

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC TT HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC TT HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TT HA NOI ARCHITECT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TT HANOI ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108443342

**3. Ngày thành lập:** 24/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 68 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                            | 8299     |
| 4.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410     |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312     |
| 6.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310     |
| 7.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.<br>Máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).                                                                                 | 4659     |

|     |                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                   | 7020        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                             | 4330        |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                | 5210        |
| 13. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                           | 5224        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                   | 7320        |
| 15. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                               | 2592        |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                     | 4311        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                   | 1629        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                      | 4321        |
| 19. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                     | 3311        |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                 | 3312        |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                        | 4610        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                          | 4101        |
| 23. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                    | 3320        |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                    | 4102        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                             | 4329        |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                        | 7110(Chính) |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                             | 4933        |
| 28. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 2599        |
| 29. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                          | 4690        |
| 30. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                          | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ ANH TUẤN    | Số 68 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 66,666    | 012043074                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 66,667    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐOÀN THỊ LÝ    | Số 68 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 16,667    | 013654713                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN MINH TUẤN | Số 8 ngách 41, Bạch Mai, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 16,667    | 001084009864                                                                                |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 12/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012043074

Ngày cấp: 09/05/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 68 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 68 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội